

**Bộ phận Chiến lược đầu tư**
**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM**
**Danh mục Năm giữ (Holding portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 6-18 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
<b>MWG*</b>	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	12.1%	181.8%
<b>CTG</b>	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.3%	10.5%	-	4.7%
<b>TDM</b>	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	15.9%	-	14.8%
<b>HAH*</b>	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	12.5%	183.1%
<b>OCB*</b>	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	0.7%	-	32.7%
<b>VHM*</b>	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	-	8.3%	44.6%
<b>SZC*</b>	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	76.6%	102.5%
<b>DHC*</b>	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	120.3%	147.2%
<b>ACB*</b>	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	15.8%	87.2%
<b>VPB*</b>	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%	-	43.9%	152.5%
<b>MBB</b>	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	13.6%	-	126.8%
<b>VIB*</b>	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	47.6%	87.6%
<b>TPB*</b>	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%	-	64.3%	112.4%
<b>PNJ*</b>	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	13.2%	86.5%
<b>SBT*</b>	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	-	16.4%	41.6%
<b>QNS*</b>	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	12.7%	-	28.8%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 3-6 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	26,000 - 28,000	46,000	21,900	1:3	-8.2%
TNG	24/08/21	25,460 - 26,850	35,180	24,000	1:3	27.4%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	7.1%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	19.4%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	45.7%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	21.5%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	133.9%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	175.5%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	30.2%
BID	28/05/21	36,400 - 38,400	51,600	33,600	1:3	-3.5%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	95.9%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	28.9%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	48.4%
SMC*	11/05/21	34,800 - 37,500	50,000	31,000	1:2	12.8%
BCG*	12/04/21	13,200 - 13,600	17,533	12,333	1:3	79.4%
DIG*	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	317.0%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	36.0%
CEO*	06/04/21	13,000 - 13,700	19,000	11,900	1:3	524.8%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	55.0%
TTF*	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	99.3%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-1.3%
VCB	18/03/21	74,530 - 76,250	97,000	72,700	1:6	2.3%
GEG	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	45.0%
FCN	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	113.9%
PVD	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	21.8%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	215.8%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	25.7%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	52.1%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	65.9%
SAM*	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200	1:5	113.6%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	82.1%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	46.2%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	31.4%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	125.8%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	183.2%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	333.5%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	248.9%

**ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC**

Thị trường mở cửa tích cực và duy trì đà tăng tốt cho đến đầu buổi chiều, nhưng rồi suy yếu trong phần còn lại của ngày giao dịch, đóng cửa giảm nhẹ.

Tương quan tăng giảm nghiêng nhẹ về phía giảm trên toàn thị trường, nhưng nếu xét riêng trong nhóm VN30 thì mức chênh lệch là rõ ràng hơn nhiều, các cổ phiếu vốn hóa lớn cũng là nhóm tác động tiêu cực nhất đến VNINDEX, trong đó đứng đầu là MSN, VHM, VIC hay một loạt cổ phiếu Ngân hàng khác. Ở chiều ngược lại thì Bất động sản vẫn là nhóm ngành có diễn biến tích cực nổi bật.

**VN-INDEX**



(Đồ thị ngày của VNIndex)

**Nhận định**

VNINDEX ngày 05/01/2022: (1) Biên độ dao động hẹp, mở cửa cao hơn tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất ngày, đóng cửa thấp hơn mở cửa và thấp nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày cao hơn nhiều ngày liền trước và cao hơn trung bình.

- ⇒ Thị trường có sự thay đổi trạng thái trong ngày theo chiều hướng kém tích cực, khối lượng giao dịch cả ngày lớn và có dấu hiệu xuất hiện lực bán giá cao trong ngày là những tín hiệu không tốt.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,390 – 1,410
Kháng cự	1,500 – 1,520

## **TIÊU ĐIỂM – NEWS FOCUS**

### **Công ty cổ phần Licogi 13 - LIG VN**

Công ty cổ phần Licogi 13 (Mã chứng khoán LIG - sàn HOSE) thông qua kế hoạch phát hành trái phiếu riêng lẻ. Theo đó, Công ty thông qua kế hoạch phát hành trái phiếu riêng lẻ trong năm 2021 và năm 2022 với giá trị tối đa 75 tỷ đồng. Trái phiếu phát hành có kỳ hạn 24 tháng, có tài sản đảm bảo và dự kiến phát hành trong tháng 12/2021 và tháng 1/2022.

Số tiền huy động dự kiến sử dụng vào mục đích để thực hiện góp vốn vào dự án Khu đô thị Thương mại Bắc Kênh Đào, tại Khóm Mỹ Chánh, phường Vĩnh Mỹ, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang.

### **CTCP Thực phẩm Sao Ta - FMC VN**

CTCP Thực phẩm Sao Ta (Mã chứng khoán FMC – sàn HOSE) công bố ước tính tình hình kinh doanh trong năm 2021 với doanh số đạt 213 triệu USD, lợi nhuận đạt trên 280 tỷ đồng, lần lượt tăng 12% và tăng trên 15% so với thực hiện trong năm 2020.

### **CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - TDC VN**

Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) vừa cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tại CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (mã chứng khoán TDC - sàn HOSE). Theo đó, ngày 31/12/2021, UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán 35 triệu cổ phiếu TDC ra công chúng, công ty sẽ có 90 ngày kể từ khi nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán để thực hiện chào bán cổ phiếu.

## THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

### 1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

#### Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

#### Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	45.5%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

#### Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

#### Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

### 2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

#### Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



### XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Mua</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Tích lũy</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
<b>Giảm tỷ trọng</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
<b>Bán</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

### XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Xếp loại</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Vượt trội</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
<b>Kém hiệu quả</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

### KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

**GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

<b>Thành viên</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Phụ trách</b>	<b>Email</b>	<b>Ext.</b>
<b>Võ Thế Vinh</b>	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	<a href="mailto:vinhvt@gtjas.com.vn">vinhvt@gtjas.com.vn</a>	704
<b>Đỗ Trung Nguyên</b>	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	<a href="mailto:nguyendt@gtjas.com.vn">nguyendt@gtjas.com.vn</a>	703
<b>Trần Thị Hồng Nhung</b>	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	<a href="mailto:nhungtth@gtjas.com.vn">nhungtth@gtjas.com.vn</a>	706
<b>Đinh Quang Đạt</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	<a href="mailto:datdq@gtjas.com.vn">datdq@gtjas.com.vn</a>	
<b>Phí Công Linh</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	<a href="mailto:linhpc@gtjas.com.vn">linhpc@gtjas.com.vn</a>	709

<b>LIÊN HỆ</b>	<b>TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI</b>	<b>CHI NHÁNH TP. HCM</b>
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: <a href="mailto:ivs@gtjas.com.vn">ivs@gtjas.com.vn</a>	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696
Website: <a href="http://www.gtjai.com.vn">www.gtjai.com.vn</a>		